

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 193/2025/DS-PT
Ngày 24-7-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Ngọc Thúy và ông Nguyễn Phước Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 139/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 194/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ A, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang (nay là tổ A, ấp P, xã T, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2024):

+ Bà Đặng Ngọc M, sinh năm 2000; địa chỉ liên hệ: Số C, đường B, khóm C, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số C, đường B, khóm C, phường L, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Nhựt C, sinh năm 2001; địa chỉ liên hệ: Số A, đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số A, đường T, khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị Mỹ C1, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp P, xã T,

huyện T, tỉnh An Giang (nay là ấp P, xã T, tỉnh An Giang) (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ A, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang (nay là tổ A, ấp P, xã T, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Đỗ Thị Mỹ C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do mối quan hệ quen biết, vào ngày 23 tháng 12 năm 2023, ông Nguyễn Thanh N có cho bà Đỗ Thị Mỹ C1 vay số tiền 460.000.0000 đồng, lãi suất 3%/tháng, mục đích vay để mua lúa, thời hạn vay từ ngày 23 tháng 12 năm 2023 đến ngày 23 tháng 01 năm 2024. Khi vay có lập biên nhận, bà C1 có ký tên nhận nợ. Ngày 11 tháng 01 năm 2024, ông N có cho bà C1 vay thêm số tiền 20.000.000 đồng, việc cho vay này không có làm biên nhận. Từ ngày vay hai khoản tiền đến nay, bà C1 chưa trả được tiền vốn gốc và lãi cho ông N. Ông N đã nhiều lần nhắc nhở, nhưng bà C1 né tránh, không chịu trả.

Ông N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C1 phải trả cho ông N số tiền vốn gốc là 480.000.000 đồng, tiền lãi với lãi suất 20%/năm kể từ ngày 23 tháng 12 năm 2023 cho đến khi xét xử xong. Yêu cầu tính lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bà C1 trả hết nợ. Ngày 29 tháng 11 năm 2024, ông N có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.000.000 đồng. Ông N yêu cầu bà C1 trả cho ông N số tiền 460.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 20%/năm kể từ ngày 23 tháng 12 năm 2023 cho đến khi xét xử xong. Yêu cầu tính lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bà C1 trả hết nợ.

Bị đơn bà Đỗ Thị Mỹ C1 trình bày:

Trước đây, bà Đỗ Thị Mỹ C1 đang ở nhà thì chồng bà là ông Nguyễn Thanh N1 đang đi làm ở tỉnh Kiên Giang, có gọi điện nói bà đi hỏi vay tiền giúp cho ông Trần Văn T1 ở huyện M, tỉnh Kiên Giang. Do ông Nguyễn Thanh N thường cho bà C1 vay tiền, nên mà C1 có hỏi vay ông N số tiền 1.500.000.000 đồng. Ông N đồng ý cho vay, thì bà C1 nói ông N chuyển nhiều lần nhưng trong cùng một ngày (bà C1 nhớ khoảng ngày 13 hay 14 tháng 02 năm 2023) cho ông N1 là chồng bà C1. Ông N1 chuyển tiền cho ông Trần Văn T1 ở huyện M, tỉnh Kiên Giang để đáo hạn ngân hàng. Khi ông T1 đáo hạn ngân hàng thì ngân hàng không cho vay lại nên ông T1 không có tiền trả cho bà C1. Đến 04 ngày sau thì bà C1 đã trả lại cho ông N số tiền 1.000.000.000 đồng và lãi suất 18.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền vốn là 500.000.000 đồng. Đến 28 ngày sau (bà C1 không nhớ rõ ngày nào), bà C1 có trả thêm cho ông N số tiền vốn là

130.000.000 đồng và đóng lãi 42.000.000 đồng, nên còn nợ lại tiền nợ gốc là 370.000.000 đồng.

Sau đó, bà C1 có đến nhà ông N để hỏi tiền lãi và vợ ông N là bà Trần Thị Thùy T2 lãi cho bà C1, từ ngày 17 tháng 3 năm 2023 âm lịch trở về sau là 06 tháng 05 ngày (khoảng tháng 9 năm 2023 âm lịch) số tiền lãi còn là 91.000.000 đồng. Bà C1 đã đóng số tiền là 51.000.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đồng. Đến gần tết nguyên đán năm 2024 thì bà C1 đã trả đủ số tiền còn lại. Lúc này vợ ông N là bà T yêu cầu bà C1 ghi nhận nợ là 460.000.000 đồng và nói là từ đây về sau không tính lãi nữa. Nhưng thực tế bà C1 chỉ còn nợ 370.000.000 đồng. Vì vậy, bà C1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N, bà C2 đồng ý trả cho ông N số tiền 460.000.000 đồng và không tiếp tục tính lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2025/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 217, 219, 227, 228, 235, 244, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh N đối với bà Đỗ Thị Mỹ C1 về số tiền vay vào ngày 23 tháng 12 năm 2023.

Buộc bà Đỗ Thị Mỹ C1 phải trả cho ông Nguyễn Thanh N số tiền 460.000.000 đồng (bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28 tháng 4 năm 2025) cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ, bà Đỗ Thị Mỹ C1 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh N về việc yêu cầu bà Đỗ Thị Mỹ C1 phải trả số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho vay vào ngày 11 tháng 01 năm 2024.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 07/5/2025, bị đơn bà Đỗ Thị Mỹ C1 có đơn kháng cáo với nội dung: Xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu không chấp nhận số tiền 460.000.000đ theo yêu cầu của nguyên đơn; bà Đỗ Thị Mỹ C1 đồng ý trả số tiền 370.000.000đ, mỗi năm trả 80.000.000đ cho đến khi hoàn tất số tiền và đồng ý tính lãi suất theo quy định pháp luật. Hoặc chấp nhận trả số tiền 460.000.000đ,

mỗi năm trả 80.000.000đ cho đến khi hoàn tất số tiền và không tính lãi suất theo quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà C1 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn bà C1 có ý kiến: Bà vẫn yêu cầu xem xét bà đồng ý trả số tiền vốn 460.000.000đ như biên nhận ông N khởi kiện, không buộc bà trả lãi đối với số tiền 460.000.000đ vì trước đó bà T (vợ ông N) đã hứa cho bà chỉ trả vốn, không tính lãi do bà đã trả số tiền lãi trước đây rất nhiều và bà xác định không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

- Nguyên đơn ông N do ông C đại diện theo ủy quyền có ý kiến: Không đồng ý kháng cáo của bà C1, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị đơn là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị Mỹ C1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện T; bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Đỗ Thị Mỹ C1 làm đơn kháng cáo và đóng tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Mỹ C1, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Mỹ C1 trả số tiền vốn vay 460.000.000đ và có cung cấp biên nhận ngày 23/12/2023.

Căn cứ vào trình bày của ông N và nội dung biên nhận ngày 23/12/2023 do ông N cung cấp thể hiện bà C1 đã có vay của ông N số tiền 460.000.000đ, thời hạn vay từ 23/12/2023 đến 23/01/2024 với lãi suất 3%/tháng. Bị đơn bà C1 thừa nhận có viết thông tin và ký tên vào biên nhận ngày 23/12/2023, tuy nhiên

cho rằng thực tế đã vay của ông N số tiền 1.500.000.000đ và đã trả một phần vốn, lãi; nợ vốn gốc chỉ có 370.000.000đ, còn lại là tiền lãi nhưng bà C1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, buộc bà C1 có trách nhiệm trả cho ông N số tiền vốn vay 460.000.000đ theo biên nhận ngày 23/12/2023 là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 460.000.000đ của nguyên đơn: Căn cứ biên nhận ngày 23/12/2023 thể hiện hợp đồng vay có thời hạn, có lãi suất. Do đó, việc bà C1 vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay nên ông N yêu cầu phải trả tiền lãi trên số tiền vay 460.000.000đ cho ông là phù hợp quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét mức lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng là vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm (ngày 28/4/2025), ông C là người đại diện theo ủy quyền của ông N xác định nay ông N chỉ yêu cầu bà C1 trả tiền lãi của số tiền 460.000.000đ với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

Nay tại phiên tòa phúc thẩm, bà C1 kháng cáo vẫn đồng ý trả số tiền vốn 460.000.000đ cho ông N như biên nhận ngày 23/12/2023 mà ông N khởi kiện, chỉ không đồng ý trả tiền lãi nhưng người đại diện theo ủy quyền của ông N không đồng ý và bà C1 cũng không cung cấp được chứng cứ gì khác. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C1, giữ nguyên bản án của sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà C1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Mỹ C1.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang).

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 217, 219, 227, 228, 235, 244, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh N đối với bà Đỗ Thị Mỹ C1 về số tiền vay vào ngày 23 tháng 12 năm 2023.

Buộc bà Đỗ Thị Mỹ C1 phải trả cho ông Nguyễn Thanh N số tiền 460.000.000 đồng (bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28 tháng 4 năm 2025) cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ, bà Đỗ Thị Mỹ C1 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh N về việc yêu cầu bà Đỗ Thị Mỹ C1 phải trả số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho vay vào ngày 11 tháng 01 năm 2024.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.600.000 đồng (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0013841 ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - An Giang).

Bà Đỗ Thị Mỹ C1 phải chịu án phí sơ thẩm là 22.400.000 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đỗ Thị Mỹ C1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0021930 ngày 07/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - An Giang).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC
tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 10 - An Giang;
- Phòng THADS khu vực 10 - An Giang;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, Tòa Dân sự,
Phòng GD,KT,TT&THA, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu